TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-PT
Ngày 28-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Mai Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định*:** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Xuân L, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 4, phố ĐST, đô thị HV, phường LV, thành phố NĐ, tỉnh NĐ;

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Xóm 1, xã HC, huyện HH, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ph là anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1977; địa chỉ: Xã HC, huyện HH, tỉnh NĐ (Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị Bích Ng, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 4, phố ĐST, đô thị HV, phường LV, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

(Tại phiên tòa, ông L, bà N, bà Ng, anh C có mặt; ông Ph vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn Xuân L trình bày:

Do quen biết nên trong năm 2010, ông L, bà Ng đã cho vợ chồng ông Ph, bà N vay tiền 02 lần với tổng số tiền 540.000.000đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 6 năm 2010, vợ chồng ông L, bà Ng đã cho vợ chồng ông Ph, bà N vay số tiền 300.000.000 đồng để làm kinh tế, nuôi trồng thủy sản. Khi vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 1,3%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 2%/tháng; không thỏa thuận thời hạn vay, khi cần lấy nợ, bên cho vay thông báo cho bên vay trước 01 tháng. Đối với khoản vay này: Tháng 01 năm 2011, ông Ph, bà N đã trả cho ông L, bà Ng số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng; đến tháng 6 năm 2011 trả tiếp 50.000.000 đồng. Đồng thời, ông Ph, bà N đã trả lãi theo đúng thỏa thuận cho ông L, bà Ng đến hết ngày 31/12/2011. Kể từ 01/01/2012 cho đến nay, ông Ph, bà N không tiếp tục trả gốc và lãi nữa.

Lần thứ hai: Ngày 02/12/2010, ông L, bà Ng đã vay của Ngân hàng C thương thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định số tiền 240.000.000 đồng cho ông Ph, bà N vay lại. Khi vay, hai bên có viết giấy nhận nợ và thỏa thuận lãi suất cho vay 16,5% /năm (tương đương 1.3%/tháng), thời hạn vay một năm theo hợp đồng tín dụng mà ông bà L, Ng đã vay của Ngân hàng C thương thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và các cam kết khác kèm theo hợp đồng tín dụng của hợp đồng này. Ông Ph, bà N trực tiếp nhận tiền vay tại Ngân hàng C thương thành phố Nam Định và trả lãi hàng tháng tại Ngân hàng C thương thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Đối với khoản vay này, ông Ph, bà N chưa trả được nợ gốc; tiền lãi đã trả đến ngày 31/12/2011 thì không trả nữa. Kể từ ngày 01/01/2012, ông L, bà Ng đã phải bỏ tiền lãi để trả nợ Ngân hàng.

Như vậy, tổng cộng ông Ph, bà N còn nợ của ông L, bà Ng 390.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất theo thỏa thuận kể từ ngày 01/01/2012 cho đến nay. Ông L, bà Ng đã đưa ra phương án trả nợ nhiều lần để tạo điều kiện cho ông Ph, bà N trả nợ, thể hiện tại cam kết trả nợ do hai bên lập vào các ngày 30/4/2012, 30/9/2012, 26/11/2013, 05/7/2014. Tại văn bản đối chiếu C nợ và cam kết trả nợ vay mà các bên đã ký kết, nợ lãi phát sinh phải trả sẽ được cộng dồn vào nợ gốc và được tính lãi kể từ tháng tiếp theo như đối với nợ gốc. Tại bản cam kết trả nợ cuối cùng lập ngày 05/7/2014, hai bên xác nhận ông Ph, bà N còn nợ vợ chồng ông L số tiền gốc là 706.183.000 đồng (bảy trăm linh sáu triệu một trăm

tám ba nghìn đồng). Kể từ tháng 7 năm 2014, hàng năm, vợ chồng ông L, bà Ng đều đến đòi nợ nhưng bà N, ông Ph đều khất nợ, hẹn xin trả dần. Xét thấy ông Ph, bà N làm ăn khó khăn nên ông L, bà Ng đã gia hạn thời hạn trả nợ hàng năm cho ông Ph, bà N. Từ đầu năm 2020, do bản thân bị bệnh tật, kinh tế rơi vào khó khăn trầm trọng nên ông L, bà Ng yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà N trả gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng ông Ph, bà N cố tình không trả. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Ph, bà N trả vợ chồng ông L, bà Ng số nợ gốc 390.000.000đ, nợ lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận là 1,3%/tháng từ ngày 01/01/2012 cho đến nay, không yêu cầu trả nợ lãi quá hạn.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Mai Thị Bích Ng trình bày ý kiến, yêu cầu phù hợp với phần trình bày ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Xuân L.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2022 và quá trình tố tụng, ông Ph, bà N trình bày: Từ năm 2010, gia đình ông Ph, bà N mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực thủy hải sản. Được người quen giới thiệu, do tin tưởng ông L nên ông Ph, bà N đã nhiều lần đưa tiền cho ông L để "chạy" làm dự án vay số vốn lớn 17 tỷ đồng. Ông Ph, bà N C nhận, trong năm 2010 đã vay tiền 02 lần của ông L, bà Ng tổng cộng 540.000.000đ; đã trả 150.000.000đ; C nhận hiện còn nợ ông L, bà Ng số tiền nợ gốc là 390.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận là 1,3%/tháng từ ngày 01/01/2012 đến nay. Tuy nhiên, cả hai lần vay tiền đều sử dụng vào mục đích chi chạy dự án vay tiền nhưng không vay được nên khó khăn lại càng khó khăn hơn. Đến nay, do ông Ph bệnh tật không còn khả năng lao động, ông Ph, bà N đề nghị ông L, bà Ng tiếp tục gia hạn cho bị đơn được trả dần khoản nợ gốc, mỗi năm trả khoảng 30.000.000đ cho đến khi trả hết 390.000.000đ; đề nghị không tính lãi kể từ 01/01/2012 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469; 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đoàn Xuân L kiện đòi nợ gốc và lãi đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N phải trả cho vợ chồng ông Đoàn Xuân L và bà Mai Thị Bích Ng 390.000.000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) tiền vay gốc và 580.632.000đ (năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng 970.632.000đ (chín trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-3-2022 ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại khoản nợ gốc và khoản tiền lãi mà bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông Ph phải thanh toán đối với ông Đoàn Xuân L. Vì thực chất ông Đoàn Xuân L đã lừa vợ chồng ông lấy tiền để chạy dự án, với số tiền gấp 3 lần đối với số tiền vợ chồng ông viết biên nhận nợ ông Đoàn Xuân L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N được làm trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy.

Vào năm 2010, vợ chồng ông L, bà Ng cho vợ chồng ông Ph, bà N vay tiền 02 lần tổng cộng 540.000.000đ. Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,3%/ tháng (tương đương 16.5%/ năm), lãi suất quá hạn là 2%/ tháng. Tính đến ngày 31/12/2011, ông Ph, bà N đã trả ông L, bà Ng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và số tiền lãi theo thỏa thuận. Như vậy, tính từ ngày 01/01/2012 đến khi xét xử sơ thẩm số tiền gốc mà vợ chồng ông Ph, bà N còn nợ đối với vợ chồng ông L, bà Ng là 390.000.000 đồng và tiền lãi suất theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm vợ chồng ông Ph, bà N cũng thừa nhận còn nợ vợ chồng ông L, bà Ng số tiền nói trên.

Hội đồng xét xử xét thấy. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông L, buộc vợ chồng ông Ph và bà N phải trả cho vợ chồng ông L và bà Ng 390.000.000 đồng tiền gốc và

580.632.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng số tiền gốc, lãi 970.632.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng ông Ph, bà N cho rằng ông Đoàn Xuân L đã lừa vợ chồng ông lấy tiền để chạy dự án, với số tiền gấp 3 lần đối với số tiền vợ chồng ông viết biên nhận nợ ông Đoàn Xuân L. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung này chưa được xem xét, giải quyết ở cấp sơ thẩm; vì vậy không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Vợ chồng ông Ph, bà N có quyền cung cấp tài liệu, chứng để khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[5] Về án phí: Do vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N hiện nay đều đã cao tuổi, điều kiện kinh tế khó khăn, có đơn xin miễm nộp tiền án phí. Do vậy cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho vợ chồng ông Ph. Bà N.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469; 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đoàn Xuân L kiện đòi nợ gốc và lãi đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N phải trả cho vợ chồng ông Đoàn Xuân L và bà Mai Thị Bích Ng 390.000.000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) tiền vay gốc và 580.632.000đ (năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng 970.632.000đ (chín trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hà Nam

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.